

Số:/2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol nhiên liệu, xăng sinh học E10 tại kho xăng dầu

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 50/2025/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Dầu khí và Than;

Bộ trưởng Bộ Công Thương Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol nhiên liệu, xăng sinh học E10 tại kho xăng dầu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol nhiên liệu, xăng sinh học E10 tại kho xăng dầu.

Ký hiệu QCVN :2026/BCT.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2027.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 51/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol nhiên liệu, xăng sinh học E10 tại kho xăng dầu.

Điều 3: Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các kho xăng dầu xây mới hoặc cải tạo, thay thế thiết bị sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì phải đáp ứng về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với các kho xăng dầu đang hoạt động, các trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol nhiên liệu, xăng sinh học E10 tại kho xăng dầu hiện hữu được tiếp tục sử dụng nếu có tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc tài liệu đánh giá, chứng nhận của tổ chức có năng lực phù hợp để chứng minh vật liệu đó tương thích với xăng sinh học E10.

3. Đối với các trang thiết bị, phụ trợ sử dụng trong tồn trữ và phân phối xăng sinh học E10 tại kho xăng dầu hiện hữu không có tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc tài liệu đánh giá, chứng nhận của tổ chức có năng lực phù hợp để chứng minh vật liệu đó tương thích với xăng sinh học E10. Các trang thiết bị, phụ trợ này phải được sửa chữa, thay thế hoặc loại bỏ theo quy định trước khi tiếp tục pha chế, tồn trữ và vận chuyển xăng sinh học E10 trong vòng 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Vụ Dầu khí và Than chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này trên phạm vi cả nước.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trên địa bàn và báo cáo tình hình thực hiện cho Bộ Công Thương theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Năng lượng - Dầu khí, Cục trưởng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn Phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT (10b)

Lê Mạnh Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 03:2026/BCT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ
TRANG THIẾT BỊ, PHỤ TRỢ VÀ PHƯƠNG TIỆN
SỬ DỤNG TRONG PHA CHẾ, TỒN TRỮ VÀ VẬN CHUYỂN
ETANOL NHIÊN LIỆU, XĂNG SINH HỌC E10
TẠI KHO XĂNG DẦU**

*National technical regulation of equipments, auxiliaries and means for
blending, storing and transportation of ethanol, ethanol blended
gasoline - gasohol E10 at distribution terminals*

HÀ NỘI – 2026

Lời nói đầu

QCVN 03: 2026/BCT thay thế QCVN 03:2014/BCT.

QCVN:2026/BCT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị, phụ trợ sử dụng trong tồn trữ và phân phối xăng sinh học E10 tại cửa hàng xăng dầu biên soạn, Vụ Dầu khí và Than trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Công Thương ban hành theo Thông tư số/2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ
TRANG THIẾT BỊ, PHỤ TRỢ VÀ PHƯƠNG TIỆN SỬ DỤNG TRONG
PHA CHẾ, TỒN TRỮ VÀ VẬN CHUYỂN ETANOL NHIÊN LIỆU, XĂNG
SINH HỌC E10 TẠI KHO XĂNG DẦU**

*National technical regulation of equipments, auxiliaries and means for blending,
storing and transportation of ethanol, ethanol blended gasoline - gasohol E10
at distribution terminals*

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với các trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol nhiên liệu, xăng sinh học E10 tại các kho xăng dầu.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với:

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol nhiên liệu, xăng sinh học E10 tại các kho xăng dầu trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Các tổ chức/đơn vị sản xuất, nhập khẩu, phân phối các trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol nhiên liệu, xăng sinh học E10 tại các kho xăng dầu.

1.3. Giải thích từ ngữ

1.3.1. Etanol nhiên liệu là etanol được sử dụng làm nhiên liệu, có thể biến tính hoặc không biến tính dùng để pha trộn xăng sinh học.

1.3.2. Xăng sinh học là hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu.

1.3.3. Xăng sinh học E10 (sau đây gọi là xăng E10) là xăng sinh học chứa từ 8,0 % đến 10,0 % thể tích etanol nhiên liệu.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Tài liệu viện dẫn

2.1.1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học QCVN 01:2022/BKHCN và sửa đổi QCVN 01:2026/BKHCN;

2.1.2. Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15/4/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.2. Quy định về các trang thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol

2.2.1. Quy định về vật liệu

2.2.1.1. Khuyến khích sử dụng các vật liệu được quy định trong cột A, Bảng 1 để chế tạo các chi tiết tiếp xúc với xăng etanol của các trang thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol.

2.2.1.2. Không khuyến khích sử dụng các vật liệu quy định trong cột B, Bảng 1 để chế tạo các chi tiết tiếp xúc với xăng etanol của các trang thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol.

Khi sử dụng các trang thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol được chế tạo từ vật liệu không có trong Cột A thì bên sử dụng cung cấp các tài liệu liên quan đến sản phẩm (như: tài liệu kỹ thuật của sản phẩm, xác nhận của nhà sản xuất, chứng nhận/báo cáo thử nghiệm, tiêu chuẩn sản phẩm hoặc đánh giá kỹ thuật hoặc các tài liệu có liên quan) để chứng minh sự tương thích với xăng etanol.

Khi có tài liệu xác nhận sự tương thích của vật liệu sử dụng với etanol, Bộ Công Thương cho phép thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol được sử dụng đúng chức năng.

Bảng 1. Quy định về vật liệu

STT	Vật liệu	Khuyến khích sử dụng (Cột A)
1	Kim loại	Nhôm (Aluminum) Đồng thiếc (Bronze) Thép thường (Carbon steel) Thép không gỉ (Stainless steel)
2	Vật liệu có tính đàn hồi (Elastomers)	Cao su tự nhiên (natural rubber) Cao su Buna-N(*) (đối với đệm bít kín, ống nối mềm) Fluorel (*) Fluorosilicone(**) Polychloroprene (ví dụ: Neoprene (đối với đệm, ống nối mềm) Cao su Polysulfide Viton(*)
3	Nhựa	Polyoxymethylene (Acetal) Nylon Polyethylene

		Polypropylene (PP) Nitrile Polytetrafluoroethylene (PTFE, ví dụ: Teflon*) (đối với chất bít kín mối ghép ống) Nhựa gia cường sợi thủy tinh(**)(fiberglass reinforced plastic)
--	--	---

Ghi chú: (*) Sản phẩm thương mại;

(**) Sản phẩm có chứng nhận của nhà sản xuất.

2.2.2. Bể chứa

2.2.2.1. Quy định về loại bể chứa

a) Tồn trữ etanol bằng các bể trụ đứng loại mái cố định (fixed roof) hoặc bể trụ đứng loại mái nổi bên trong (internal floating roof).

b) Không được tồn trữ etanol bằng các loại bể mái nổi và bể chứa loại đỉnh tán.

c) Bể trụ nằm ngang khi tồn trữ etanol phải được lắp đặt nổi trên mặt đất.

2.2.2.2. Phao nổi

Chi tiết bít kín (seal) của phao nổi phải bằng vật liệu thép hoặc nhựa được quy định trong cột A, Bảng 1.

2.2.2.3. Van thở

a) Van thở cho bể chứa etanol phải đáp ứng các yêu cầu như sau:

- Lắp đặt loại van thở áp lực - chân không có thông số áp lực làm việc phù hợp thay thế cho van thở thông thường;

b) Van thở và phụ trợ sử dụng cho bể chứa etanol phải được bảo dưỡng định kỳ.

2.2.2.4. Lớp sơn lót đáy bể chứa

Bể chứa etanol có thể được sơn lót hoặc không sơn lót đáy bể. Đối với bể chứa có sơn lót đáy bể thì lớp sơn lót phải đảm bảo độ bền với hoạt tính dung môi của etanol và ức chế ăn mòn vật liệu chế tạo đáy bể (sử dụng loại sơn lót epoxy tương thích với etanol).

2.2.3. Đường ống công nghệ sử dụng cho etanol

2.2.3.1. Bộ lọc, lưới lọc trên đường ống

Sử dụng lưới lọc có kích cỡ lỗ từ 177 micromet đến 250 micromet cho bộ lọc trên đường ống dẫn sản phẩm tới hòng xuất xe bồn.

2.2.3.2. Chất bít kín

Chất bít kín, băng bít kín mỗi nối ghép đường ống bằng vật liệu tương thích quy định tại Điểm 2.2.1.1 Quy chuẩn này.

2.2.3.3. Đệm bít kín

Đệm bít kín đường ống công nghệ sử dụng cho etanol phải bằng vật liệu thích quy định tại Điểm 2.2.1.1.

2.2.4. Trạm bơm etanol

Sử dụng lưới lọc phù hợp (kích cỡ lỗ lọc ≤ 420 micromet) cho bộ lọc của máy bơm etanol tại trạm bơm.

2.2.5. Quy định về phương tiện vận chuyển etanol

2.2.5.1. Đường bộ

Xe bồn chở etanol có kết cấu hệ thống nạp sản phẩm bằng đường van đáy (bottom loading) hoặc bằng đường nắp đỉnh (top loading). Đối với xe bồn có kết cấu hệ thống nạp sản phẩm bằng đường nắp đỉnh thì phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Lớp đệm bít kín nắp ngăn bể chứa còn nguyên hình dạng (không bị nứt, gãy, biến dạng);

b) Van thở trên nắp ngăn bể chứa phải hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật

2.2.5.2. Đường sắt

Quy cách bể chứa etanol trên các toa xe đáp ứng theo ĐLVN 272:2015 Xi téc đường sắt – Quy trình thử nghiệm và TCVN 11389:2016 - Phương tiện giao thông đường sắt – Toa xe xi téc – Yêu cầu chế tạo và thử nghiệm

2.2.5.3. Đường thủy

Khoang tàu, sà lan vận chuyển etanol phải bằng thép không gỉ không sơn lót hoặc bằng thép thường có sơn lót bên trong. Lớp sơn lót bên trong khoang tàu, sà lan phải đảm bảo độ bền với etanol và chống ăn mòn (loại sơn lót epoxy tương thích với etanol).

2.2.5.4. Đường ống

Đường ống công nghệ vận chuyển etanol có thể được lắp đặt nổi trên mặt đất hoặc đặt chìm dưới mặt đất; và được chế tạo các vật liệu khuyến khích sử dụng tại điểm 2.2.1.1. hoặc từ thép thường loại B hoặc loại vật liệu chứng minh được sự tương thích (như: tài liệu kỹ thuật của vật liệu, xác nhận của nhà sản xuất, chứng nhận/báo cáo thử nghiệm, tiêu chuẩn của vật liệu hoặc đánh giá kỹ thuật hoặc các tài liệu có liên quan) với áp suất, nhiệt độ, lưu lượng và tính chất của Etanol nhiên liệu.

2.3. Quy định về các thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển xăng E10

2.3.1. Quy định về vật liệu

2.3.1.1. Khuyến khích sử dụng các vật liệu được quy định trong cột A, Bảng 2 để chế tạo các chi tiết tiếp xúc với xăng E10 của các trang thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển xăng E10.

2.3.1.2. Không khuyến khích sử dụng các vật liệu quy định trong cột B, Bảng 2 để chế tạo các chi tiết tiếp xúc với xăng E10 của các trang thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển xăng E10.

Khi sử dụng các trang thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển xăng E10 được chế tạo từ vật liệu không có trong Cột A thì bên sử dụng cung cấp các tài liệu liên quan đến sản phẩm (như: tài liệu kỹ thuật của sản phẩm, xác nhận của nhà sản xuất, chứng nhận/báo cáo thử nghiệm, tiêu chuẩn sản phẩm hoặc đánh giá kỹ thuật hoặc các tài liệu có liên quan) để chứng minh sự tương thích với xăng E10.

Khi có tài liệu xác nhận sự tương thích của vật liệu sử dụng với xăng E10, Bộ Công Thương cho phép thiết bị, phụ trợ, phương tiện sử dụng để pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol được sử dụng đúng chức năng.

Bảng 2. Quy định về vật liệu

STT	Vật liệu	Được sử dụng (Cột A)
1	Kim loại	Nhôm (Aluminum) Đồng thiếc (Bronze) Thép thường (Carbon steel) Thép không gỉ (Stainless steel)
2	Vật liệu có tính đàn hồi (Elastomers)	Cao su Buna-N(*) (đối với đệm bít kín, ống nối mềm) Fluorel (*) Fluorosilicone (**) Polychloroprene (CR, ví dụ: Neoprene (đối với đệm, ống nối mềm) Cao su polysulfide Viton (*)
3	Nhựa	Polyoxymethylene (Acetal) Polyethylene (PE) Polypropylene (PP) Nitrile Polytetrafluoroethylene (PTFE, ví dụ: Teflon(*) (đối với chất bít kín mỗi ghép ống) Nhựa gia cường sợi thủy tinh (fiberglass reinforced plastic)(**)

Ghi chú: (*) Sản phẩm thương mại;

(**) Sản phẩm có chứng nhận của nhà sản xuất.

2.3.2. Bể chứa

2.3.2.1. Quy định về quy cách bể chứa

a) Tồn trữ xăng E10 bằng các loại bể chứa:

- Bể trụ đứng loại mái cố định;
- Bể trụ đứng loại mái nổi bên trong;
- Bể trụ nằm ngang.

b) Không được tồn trữ xăng E10 bằng các loại bể mái nổi bên ngoài, bể chứa loại đình tán. Các loại bể chứa khác khi tồn trữ xăng E10 phải có nắp kín và lắp đặt van thở.

2.3.2.2. Phao nổi

Chi tiết bít kín (seal) của phao nổi phải bằng vật liệu kim loại hoặc nhựa được quy định tại Điểm 2.2.1.1 Quy chuẩn này.

2.3.2.3. Lớp sơn lót đáy bể chứa

Loại sơn lót đáy bể phải bao phủ toàn bộ bề mặt bên trong của bể, lớp sơn lót phải đảm bảo độ bền với hoạt tính dung môi của etanol và ức chế ăn mòn vật liệu chế tạo đáy bể (sử dụng loại sơn lót epoxy tương thích với etanol).

2.3.3. Đường ống công nghệ

2.3.3.1. Bộ lọc, lưới lọc trên đường ống

Sử dụng lưới lọc có kích cỡ lỗ từ 177 micromet đến 840 micromet cho bộ lọc trên đường ống dẫn xăng E10 tới hòng xuất xe bồn

2.3.3.2. Chất bít kín

Chất bít kín, băng bít kín mối nối ghép đường ống bằng vật liệu tương thích quy định tại Điểm 2.3.1.1 Quy chuẩn này.

2.3.3.3. Đệm bít kín

Đệm bít kín đường ống công nghệ sử dụng cho xăng E10 bằng vật liệu teflon.

2.3.4. Trạm bơm xăng sinh học

Sử dụng lưới lọc phù hợp (kích cỡ lỗ lọc từ 420 micromet đến 840 micromet) cho bộ lọc của máy bơm xăng E10 tại trạm bơm.

2.3.5. Quy định về phương tiện vận chuyển

2.3.5.1. Đường bộ:

Xi téc ô tô chở xăng E10 có kết cấu hệ thống nạp sản phẩm bằng đường van đáy (bottom loading) hoặc bằng đường nắp đỉnh (top loading). Đối với xe xi téc ô tô có kết cấu hệ thống nạp sản phẩm bằng đường nắp đỉnh thì phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Lớp đệm bít kín nắp ngăn bể chứa còn nguyên hình dạng (không bị nứt, gãy, biến dạng);

b) Van thở trên nắp ngăn bể chứa phải hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật

2.3.5.2. Đường sắt

Quy cách bể chứa etanol trên các toa xe đáp ứng theo ĐLVN 272:2015 Xi téc đường sắt – Quy trình thử nghiệm và TCVN 11389:2016 - Phương tiện giao thông đường sắt – Toa xe xi téc – Yêu cầu chế tạo và thử nghiệm

2.3.5.3. Đường thủy

Khoang tàu, sà lan vận chuyển xăng E10 phải bằng thép không gỉ không sơn lót hoặc bằng thép thường có sơn lót bên trong. Lớp sơn lót bên trong khoang tàu, sà lan phải đảm bảo độ bền với etanol và chống ăn mòn (loại sơn lót epoxy tương thích với etanol).

2.3.5.4. Đường ống

a) Đường ống công nghệ vận chuyển xăng E10 có thể được lắp đặt nổi trên mặt đất hoặc đặt chìm dưới mặt đất.

b) Đường ống công nghệ sử dụng để vận chuyển xăng E10 được chế tạo từ vật liệu khuyến khích sử dụng tại Điểm 2.3.1.1 Quy chuẩn này, hoặc được chế tạo từ thép thường loại B hoặc loại vật liệu chứng minh được sự tương thích (như: tài liệu kỹ thuật của vật liệu, xác nhận của nhà sản xuất, chứng nhận/báo cáo thử nghiệm, tiêu chuẩn của vật liệu hoặc đánh giá kỹ thuật hoặc các tài liệu có liên quan) với áp suất, nhiệt độ, lưu lượng và tính chất của xăng E10 nhiên liệu.

c) Đường ống công nghệ hiện hữu vận chuyển xăng thông thường, khi chuyển sang sử dụng để vận chuyển xăng E10 thì cần đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Đảm bảo sạch ráo (cặn bùn, nước) bên trong đường ống;
- Kiểm tra nguy cơ rò rỉ (nếu có) và tình trạng nước xâm nhập vào đường ống trước khi sử dụng cho xăng E10.

2.4. Quy định về thuốc đo mức, thuốc thử nước

Thuốc đo mức, thử nước phải có đặc tính tương hợp với xăng sinh học.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Lưu trữ hồ sơ phục vụ hậu kiểm

Các tổ chức, cá nhân các trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol, xăng E10 tại kho xăng dầu được lắp đặt mới kể từ sau ngày tháng.... năm..... cần phải đáp ứng các tiêu chí về vật liệu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia này. Đồng thời, có trách nhiệm lưu trữ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong pha

chế, tồn trữ và vận chuyển etanol, xăng E10 đảm bảo tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia để phục vụ hậu kiểm.

3.2. Đảm bảo quá trình sản xuất và lưu trữ hồ sơ sản xuất

Các tổ chức/đơn vị sản xuất, nhập khẩu, phân phối có trách nhiệm đảm bảo quá trình sản xuất/phân phối Các tổ chức, cá nhân các trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol, xăng E10 tại kho xăng dầu đáp ứng các yêu cầu tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia. Đồng thời, lưu trữ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến vật liệu chế tạo của các trang thiết bị, phụ trợ sử dụng trong tồn trữ và phân phối xăng E10 đảm bảo tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia để phục vụ hậu kiểm.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1. Tổ chức, cá nhân hoạt động về pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol, xăng E10 tại kho xăng dầu cần kiểm soát các trang thiết bị, phụ trợ sử dụng phù hợp với các quy định tại Quy chuẩn này.

4.2. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan có chứng minh sự phù hợp của vật liệu khi so sánh với quy chuẩn này để làm cơ sở cho việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý Nhà nước.

4.3. Các tổ chức/đơn vị sản xuất, nhập khẩu, phân phối cần đảm bảo quá trình sản xuất, nhập khẩu các trang thiết bị, phụ trợ và phương tiện sử dụng trong pha chế, tồn trữ và vận chuyển etanol, xăng E10 phù hợp các quy định tại Quy chuẩn này.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Cục Năng lượng - Dầu khí, Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc thực hiện các quy định tại Quy chuẩn này trong thực tiễn; đồng thời tổ chức triển khai việc thực hiện Quy chuẩn này.

5.2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện các quy định tại Quy chuẩn này trong thực tiễn và đảm bảo việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này ở địa phương, báo cáo Bộ Công Thương về tình hình thực hiện và những khó khăn, vướng mắc và theo quy định.

5.3. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Cục Năng lượng - Dầu khí có trách nhiệm kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này phù hợp với thực tiễn.

5.4. Trường hợp các tiêu chuẩn hoặc văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực theo văn bản mới./.